

BỘ TÀI CHÍNH-BỘ XÂY
DỰNG-NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC-ỦY BAN KẾ
HOẠCH NHÀ NƯỚC
Số: 01/TTLB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 1991

THÔNG TƯ

CỦA BỘ XÂY DỰNG - ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC - BỘ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
SỐ 01/TTLB NGÀY 9/3/1991

Thi hành Điều lệ quản lý Xây dựng cơ bản ban hành kèm theo Nghị định số 385/HĐBT ngày 7/11/1990 của Hội đồng Bộ trưởng

Ngày 7/11/1990 Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị định số 385/HĐBT ban hành Điều lệ quản lý Xây dựng cơ bản ban hành kèm theo Nghị định số 232/CP ngày 6/6/1981 của Hội đồng Chính phủ.

Thực hiện Điều 3 của Nghị định và Điều 49 của Điều lệ quản lý Xây dựng cơ bản, Liên Bộ Xây dựng - Ủy ban Kế hoạch Nhà nước - Bộ Tài chính - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn chung một số vấn đề cấp bách nhằm triển khai kịp thời Điều lệ quản lý Xây dựng cơ bản như sau:

I. CHỦ ĐẦU TƯ

1. Chủ đầu tư công trình xác định như sau:

- Công trình thuộc sở hữu tư nhân thì chủ đầu tư là người chủ sở hữu vốn;
- Công trình thuộc sở hữu tập thể, liên doanh (hợp tác xã, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần ...) thì chủ đầu tư là người đại diện hợp pháp theo luật định của tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ nói trên trong việc quản lý khai thác, sử dụng công trình đầu tư (chủ nhiệm hợp tác xã, chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty).
- Công trình thuộc sở hữu Nhà nước (nguồn vốn đầu tư chủ yếu lấy từ ngân sách Nhà nước, vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, vốn tự bổ sung của xí nghiệp quốc doanh, tài sản hiện có do Nhà nước quản lý), thì chủ đầu tư là thủ trưởng đơn vị được Nhà nước giao quyền trực tiếp

quản lý vốn, xây dựng, khai thác sử dụng công trình và chịu trách nhiệm bảo toàn vốn được giao.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Thực hiện những công tác chuẩn bị đầu tư quy định trong Điều 7, công tác chuẩn bị xây dựng quy định trong điểm 1 Điều 15 của bản Điều lệ quản lý Xây dựng cơ bản.
- Chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc tổ chức đấu thầu hoặc giao thầu theo đúng quy chế của Nhà nước để ký kết hợp đồng giao nhận thầu.
- Lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và kế hoạch tài chính đầu tư, chịu trách nhiệm sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.
- Chuyển giao kịp thời theo tiến độ xây dựng cho đơn vị nhận thầu xây lắp mặt bằng xây dựng, tài liệu thiết kế dự toán đã được phê duyệt; giám sát kiểm tra kỹ thuật, chất lượng công trình, nghiệm thu và thanh toán kịp thời khối lượng công việc đã thực hiện cho các bên nhận thầu theo hợp đồng kinh tế, đúng thiết kế dự toán được duyệt.
- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết đưa công trình vào sử dụng đúng thời hạn quy định và bảo đảm hiệu quả đầu tư theo luận chứng kinh tế - kỹ thuật được duyệt.
- Quyết toán vốn đầu tư đã thực hiện theo chế độ quy định.
- Khai thác và sử dụng công trình có hiệu quả. Bảo đảm hoàn trả vốn đầu tư đối với tất cả các công trình thuộc đối tượng phải thu hồi vốn.

Đối với công trình vay vốn nước ngoài, nếu chủ đầu tư trực tiếp vay thì phải có trách nhiệm trả cả vốn và lãi theo hợp đồng vay vốn.

3- Ban quản lý công trình:

Ban quản lý công trình là tổ chức của chủ đầu tư, do chủ đầu tư quyết định thành lập, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư trong việc thực hiện quản lý xây dựng từ giai đoạn chuẩn bị xây dựng, xây lắp đến khi bàn giao đưa công trình vào sản xuất, sử dụng. Ban quản lý công trình chỉ thành lập (khi cần thiết) ở các công trình xây dựng mới trên hạn ngạch, kỹ thuật, phức tạp, có thời hạn xây dựng từ 1 năm trở lên. Quy mô và số lượng cán bộ công nhân viên của Ban quản lý công trình được xác định trên cơ sở bảo đảm hoàn thành công tác quản lý xây dựng công trình và trong phạm vi chi phí cho việc quản lý xây dựng đã được quy định trong tổng dự toán được duyệt.

Đối với các công trình khác còn lại thì không lập ban quản lý công trình. ở các công trình này công tác quản lý xây dựng công trình sẽ do các bộ phận tương ứng trong bộ máy quản lý sẵn có của chủ đầu tư thực hiện. Chủ đầu tư được sử dụng kinh phí quản lý xây dựng theo quy định của Nhà nước để thực hiện các hoạt động về quản lý xây dựng công trình. Chủ đầu tư có thể giao cho các tổ chức khảo sát, thiết kế, nghiên cứu khoa học, các trường đại học, các trung tâm thí nghiệm hoặc kiểm định chất lượng được Bộ Xây dựng hoặc các Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng công nhận có đủ trình độ, tư cách pháp nhân và được cấp giấy hành nghề thực hiện chức năng giám sát kinh tế, kỹ thuật của chủ đầu tư thông qua hợp đồng kinh tế. Ban quản lý công trình có thể được giao quản lý một cụm công trình thuộc cùng một chủ quản đầu tư nếu bảo đảm được chất lượng và hiệu quả quản lý xây dựng, theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

II- VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

- 1- Vốn đầu tư xây dựng của Nhà nước gồm vốn đầu tư cho công tác khảo sát xây dựng, quy hoạch xây dựng và vốn đầu tư cho các công trình xây dựng.
- 2- Vốn đầu tư cho công tác khảo sát, quy hoạch bao gồm chi phí khảo sát xây dựng, quy hoạch tổng thể, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch phát triển của các ngành. Vốn này được xác định trên cơ sở khối lượng công tác khảo sát, quy hoạch cần thiết trong kỳ kế hoạch và định mức, đơn giá do Nhà nước ban hành, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng phối hợp với một số Bộ phụ trách quy hoạch ngành và địa phương để xây dựng kế hoạch khảo sát, quy hoạch trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định.
- 3- Vốn đầu tư xây dựng công trình bao gồm chi phí cho việc chuẩn bị đầu tư, chi phí thiết kế và xây dựng, chi phí mua sắm và lắp đặt thiết bị và chi phí khác ghi trong tổng dự toán của công trình đó. Nội dung các khoản mục chi phí trong tổng dự toán công trình theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

III- CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

- 1- Dự án tiền khả thi (dự án sơ bộ) do chủ đầu tư lập theo hướng dẫn của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Xây dựng để trình cơ quan có thẩm quyền thông qua. Riêng đối với những công trình quan trọng có ý nghĩa quyết định cơ cấu và tốc độ phát triển nền kinh tế quốc dân

thì chủ quản đầu tư trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt sau khi có ý kiến của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Ngân hàng đầu tư và phát triển (được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam uỷ nhiệm), không cần qua Hội đồng thẩm tra luận chứng kinh tế - kỹ thuật.

2. Các công trình hợp tác, liên doanh với nước ngoài ghi tại Điều 10 trong Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản được hiểu là các công trình đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Nội dung luận chứng kinh tế - kỹ thuật, việc phân cấp thẩm tra, xét duyệt đối với các công trình đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài áp dụng theo các quy định chung của Nhà nước đối với các công trình đầu tư. Riêng các công trình đầu tư 100% vốn nước ngoài luận chứng kinh tế kỹ thuật do bên nước ngoài lập thì Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư cùng với ngành hoặc địa phương có công trình sẽ thay mặt chủ đầu tư gửi hồ sơ luận chứng kinh tế - kỹ thuật tới các thành viên của Hội đồng thẩm tra, bảo vệ Luận chứng kinh tế - kỹ thuật trước Hội đồng thẩm tra và cơ quan xét duyệt.

3. Luận chứng kinh tế - kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật của các công trình thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phải gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Hội đồng thẩm tra, luận chứng kinh tế kỹ thuật của tỉnh, thành phố để xem xét làm cơ sở cho việc cấp giấy phép xây dựng và giấy phép kinh doanh.

4. Hạn ngạch công trình: trong khi chờ Nhà nước ban hành lại quy định về phân loại và phân cấp quản lý công trình đầu tư tạm thời áp dụng tiêu chuẩn phân định hạn ngạch công trình trong phụ lục kèm theo Thông tư Liên Bộ này.

5. Báo cáo kinh tế kỹ thuật:

a) Báo cáo kinh tế kỹ thuật phải lập theo đúng quy định của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Xây dựng.

b) Những công trình dưới hạn ngạch có những đặc điểm sau đây thì không cần lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật mà chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Nhà ở cao tầng, nhà ở đơn chiếc trong các tiểu khu ở, các công trình công cộng, trụ sở cơ quan, cơ sở nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo, các công trình văn hoá nghệ thuật (không kể truyền thanh và truyền hình), các công trình y tế, bảo hiểm xã hội, các công trình

thể thao... nằm trong quy hoạch xây dựng chi tiết đã được duyệt và sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình.

- Bệnh viện cấp quận, huyện nhỏ hơn 100 giường.
- Hệ thống chuyển tải điện hạ thế dưới 35KV đã có quy hoạch được duyệt.
- Hệ thống kênh mương tưới tiêu đã có quy hoạch được duyệt với quy mô nhỏ hơn 1000 ha ở đồng bằng và nhỏ hơn 200 ha ở miền núi, trung du.
- Các kho thông dụng đơn chiếc (trừ kho xăng, dầu).
- Các công trình phụ trợ bổ sung cho các công trình đang sử dụng.
- Cầu, đường bộ có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình.
- Các loại công trình dưới hạn ngạch và kỹ thuật đơn giản khác do chủ quản đầu tư quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

c) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do chủ quản đầu tư xét duyệt.

6. Thành phần hội đồng thẩm tra luận chứng kinh tế - kỹ thuật cấp ngành và địa phương.

a) Cấp ngành:

- Chủ tịch Hội đồng; thủ trưởng ngành.
- Các thành viên chính: Vụ Xây dựng cơ bản, Vụ Kế hoạch, Vụ quản lý chuyên ngành, Vụ Kinh tế tài chính, Vụ Quản lý khoa học, Viện kinh tế.
- Các thành viên khác: cơ quan cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư, đại diện các ngành (kế hoạch, tài chính, khoa học, xây dựng, ngân hàng), địa phương có liên quan và các chuyên gia đầu ngành về các lĩnh vực quan trọng của công trình.

b) Địa phương:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch tỉnh, thành phố.
- Các thành viên chính: Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở chuyên ngành (công trình thuộc ngành nào thì ngành đó tham gia); ban Khoa học tỉnh, chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển.
- Các thành viên khác: cơ quan cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư, các chuyên gia đầu ngành trong nước về lĩnh vực quan trọng của công trình và đại diện ngành chủ quản và các ngành có liên quan ở Trung ương (đối với công trình trên hạn ngạch).